

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH  
**BỆNH VIỆN SẢN NHI**  
Số: 330/BVSN-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

V/v mời chào giá vật tư tiêu hao cho  
monitor theo dõi bệnh nhân, vật tư máy  
thở, túi máu và các vật tư khác của  
Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh  
- Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao cho monitor theo dõi bệnh nhân, vật tư máy thở, túi máu và các vật tư khác của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2025-2026 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

### **3. Cách thức tiếp nhận báo giá:**

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 02 tháng 4 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2025.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
<b>1. Vật tư tiêu hao cho monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon-Kohden. Model BSM-3562</b>				
1	Cảm biến SpO2 cho người lớn tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden (dùng nhiều lần)	Cảm biến SpO2 (dùng nhiều lần) cho người lớn tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden. Model BSM-3562.	Cái	5
2	Cảm biến SpO2 cho trẻ em tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden (dùng nhiều lần)	Cảm biến SpO2 (dùng nhiều lần) cho trẻ em tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden. Model BSM-3562.	Cái	5
3	Bao đo huyết áp cho người lớn tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden (dùng nhiều lần)	Bao đo huyết áp (dùng nhiều lần) cho người lớn tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden. Model BSM-3562.	Cái	5
4	Bao đo huyết áp cho trẻ em tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden (dùng nhiều lần)	Bao đo huyết áp (dùng nhiều lần) cho trẻ em tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng Nihon Kohden. Model BSM-3562.	Cái	5
<b>2. Vật tư tiêu hao cho máy thở và monitor theo dõi bệnh nhân hãng GE</b>				
5	Cảm biến SpO2 dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân loại dùng 1 lần	Cảm biến SpO2 theo dõi bệnh nhân loại dùng 1 lần. Dài $\geq 0.5m$ dùng được cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. Tương thích với monitor GE B40I	Cái	300
6	Cảm biến SpO2 dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân loại dùng nhiều lần	Cảm biến SpO2 theo dõi bệnh nhân loại dùng nhiều lần. Dài $\geq 1m$ dùng được cho người lớn, trẻ em. Tương thích với monitor GE B40I	Cái	70
7	Bao đo huyết áp cho người lớn tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng GE (dùng nhiều lần)	Bao đo huyết áp (dùng nhiều lần) cho người lớn tương thích cho máy monitor theo dõi bệnh nhân hãng GE. Model B40I	Cái	40
8	Dây đo điện tim	Dây đo điện tim dùng được cho monitor GE B40I	Cái	20
<b>3. Vật tư tiêu hao cho máy thở cao tần HFOV 3100A</b>				
9	Bộ dây thở cho máy thở cao tần	Bộ dây thở với dây nhiệt. Sử dụng được với máy thở cao tần HFOV 3100A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	5
10	Bóng van	Nắp chụp/màng của các van. Sử dụng được với máy thở cao tần HFOV 3100A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	12
11	Màng rung	Màng rung máy thở. Sử dụng được với máy thở cao tần HFOV 3100A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	16
12	Bộ dây nối tubeset máy thở cao tần	Bộ dây nối máy thở. Sử dụng được với máy thở cao tần HFOV 3100A. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	10
<b>4. Vật tư tiêu hao cho máy thở cao tần Babylog VN500</b>				
13	Đầu chữ Y có gắn sẵn cảm biến	Đầu chữ Y có gắn sẵn cảm biến. Tương thích với máy thở cao tần Babylog VN500	Bộ	3

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
<b>5. Vật tư tiêu hao cho máy thở Newport E360</b>				
14	Bộ dây máy thở các cỡ	Bộ dây máy thở các cỡ. Có thể hấp tiệt trùng. Sử dụng được với máy thở Newport model E360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Bộ	34
15	Bình làm ẩm máy thở	Bình làm ẩm máy thở. Sử dụng được với máy thở Newport E360. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Cái	20
<b>6. Vật tư tiêu hao khác của khoa Sơ sinh, HSCC</b>				
16	Cảm biến SpO2 theo dõi bệnh nhân dùng một lần	Cảm biến SpO2 dùng cho trẻ sơ sinh, loại dán dùng cho máy đo SpO2 chuẩn Nellcor. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	300
17	Bộ lái dòng máy thở Sipap	Bộ định hướng dòng thở. Sử dụng được với máy thở SIPAP.	Bộ	26
18	Ống mũi máy CPAP	Ống mũi máy CPAP các cỡ: Chiều dài 207mm - 257mm. Sử dụng cho bệnh nhân nhi. Lưu lượng tối đa: $\geq 15$ lít/phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Cái	50
19	Dây thở máy Cpap	Dây thở dùng cho máy CPAP, bao gồm: 01 bộ điều chỉnh áp lực, 01 bộ tạo CPAP, 01 bình làm ẩm khí thở, 01 bộ dây thở dùng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương	Cái	13
20	Mũ CPAP các loại	Mũ CPAP các loại. Size 22-25cm, 25-29cm, 29-36cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Cái	75
21	Mặt nạ thở CPAP các cỡ	Mặt nạ thở Cpap 4 cỡ: S, M, L, XL. Sức cản lưu lượng trung bình: $< 0.1$ cm H <sub>2</sub> O tại 8 L/phút. Làm bằng vật liệu: Silicone hoặc tương đương. Dùng cho một bệnh nhân tối đa 7 ngày. Tương thích Ống nối mũi máy thở, máy thở Bubble Cpap đang sử dụng tại Bệnh viện. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20
22	Mask mũi máy thở Sipap size S, M	Mask mũi máy thở Sipap size S, M. Sử dụng được với máy thở SIPAP. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30
23	Đai giữ ống thở cố định qua vòng đầu size S, M	Đai giữ ống thở cố định qua vòng đầu S, M. Sử dụng được với máy thở SIPAP. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	35
24	Bộ bình làm ẩm và dây thở lưu lượng cao dùng cho trẻ sơ sinh	Bình làm ẩm. Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép. Dây thở 1 nhánh, có cấu trúc gồm 2 lớp, tích hợp dây gia nhiệt. Chiều dài dây thở khoảng: 1.75m Van xả áp: 40 cmH <sub>2</sub> O Dùng cho một bệnh nhân tối đa 7 ngày. Ứng dụng liệu pháp HFNC Sử dụng tương thích với MR850	Bộ	10
25	Gọng mũi lưu lượng cao dùng cho trẻ sơ sinh	Ống dây gọng mũi làm từ vật liệu giúp hơi nước khuếch tán ra ngoài. Tích hợp hai miếng dán hydrocolloid cố định. Dài lưu lượng theo các cỡ: Cỡ XS: 0.5 - 8 L/phút; Cỡ S: 0.5 - 9 L/phút;	Cái	15

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Cỡ M: 0.5 - 10 L/phút Dùng cho một bệnh nhân tối đa 7 ngày. Tương thích với máy làm ấm MR850 và dây thở Fisher & Paykel		
26	Gọng mũi máy thở AIRVO2 dùng cho trẻ sơ sinh	Ống dây gọng mũi làm từ vật liệu giúp hơi nước khuếch tán ra ngoài. Tích hợp hai miếng dán hydrocolloid cố định Dài lưu lượng theo các cỡ: Cỡ XS: 2 - 8 L/phút; Cỡ S: 2 - 9 L/phút; Cỡ M: 2 - 10 L/phút Dùng cho một bệnh nhân tối đa 14 ngày. Xuất xứ từ nước thuộc nhóm OECD Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, MDR hoặc tương đương Tương thích với máy thở dòng cao AIRVO2 đang dùng tại Bệnh viện.	Cái	2
27	Dây thở dùng cho máy AIRVO2	Sử dụng được với máy thở dòng cao Airvo 2 tại Bệnh viện. - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép. Bình làm ấm: thể tích nén 280ml. Độ giãn nở 0.4 mL/cmH <sub>2</sub> O Dài lưu lượng: 2 - 60 lít/ phút Dây gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở dạng xoắn xen kẽ túi khí cách nhiệt với môi trường bên ngoài Thời gian sử dụng tối đa ≥ 14 ngày Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	2
28	Gọng mũi máy thở AIRVO dùng cho trẻ em	Sử dụng được với oxy dòng cao máy Airvo/Airvo2. Lưu lượng: 2 - 25 lít/ phút. Thời gian sử dụng tối đa ≥ 7 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương	Cái	15
29	Gọng mũi máy thở AIRVO trẻ lớn, người lớn	Sử dụng được với Máy tạo độ ẩm AIRVO/AIRVO 2/myAIRVO/myAIRVO 2 với ống thở gia nhiệt & ngăn chứa nước. Sử dụng được với Máy tạo độ ẩm MR850 ở chế độ xâm lấn, bộ seri RT với ống thở được làm ấm 22 mm và ngăn chứa nước dòng RT. Phạm vi lưu lượng: <60 L/phút Sản phẩm này được thiết kế để sử dụng một lần trong thời gian tối đa là ≥ 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương.	Cái	15
30	Miếng dán cố định gọng mũi (loại phù hợp với gọng mũi sơ sinh)	Miếng dán làm từ vật liệu Hydrocolloid thân thiện, an toàn với làn da trẻ sơ sinh Dùng cho một bệnh nhân Tương thích với dòng gọng mũi Fisher & Paykel Optiflow junior	Miếng	60
31	Bộ trộn Air-Oxygen	Bộ trộn Air-Oxy kèm dây nối nguồn khí Điều chỉnh nồng độ O <sub>2</sub> : 21 % - 100% Áp suất vận hành: ≤ 42 - ≥ 85 psi	Bộ	2

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Độ chính xác: $\pm \leq 3\%$ Chênh lệch áp lực giữa hai nguồn khí cung cấp: $\leq 10$ psi Báo động chênh lệch áp suất: $20 \pm 2$ psi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương		
32	Áo làm mát não cho trẻ sơ sinh	Áo làm lạnh toàn thân bệnh nhân. Dùng cho trẻ sơ sinh cân nặng từ 2,5kg đến 4 kg.	Cái	5
33	Cannula mũi sử dụng cho trẻ sơ sinh (size S, M, L)	Cannula mũi sử dụng cho trẻ sơ sinh (size S, M, L)	Cái	10
34	Bóng bóp ambu (Bóng bóp ambu) sơ sinh kèm mask	Bóng bóp ambu gồm: 01 bóng bóp, 01 mặt nạ, 01 dây dẫn và 01 túi chứa khí. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	50
35	Cảm biến đo SpO2 của máy monitor PHILIPS	Cảm biến đo SpO2 của máy monitor PHILIPS	Cái	20
36	Túi truyền áp lực	Túi tạo áp lực - Cho phép người sử dụng chuyển từ áp suất tiêu chuẩn ( $< 300$ mmHg) sang chế độ quá áp lực (300 mmHg - 450 mmHg) khi cần thiết. - Có một van xả áp lực nhằm ngăn ngừa các túi bị nổ. Có loại 500ml, 1000ml, và 3000mL. Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	25
37	Phin lọc máy thở chữ L	Phin lọc máy thở chữ L	Cái	5
<b>7. Hóa chất, vật tư dùng chung cho các xét nghiệm</b>				
38	Màng phẫu thuật Ioban	Màng phẫu thuật có chứa chất kháng khuẩn (Iodine) được ngâm tẩm vào lớp keo kết dính Acrylate và được phủ bên dưới màng phim. Mặt dính tiếp xúc trực tiếp với da, phía trên là lớp polymer không dính vô trùng tạo nên vùng phẫu thuật (phẫu trường) vô trùng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Miếng	40
39	Đường glucoza xét nghiệm	Đường glucoza dùng cho xét nghiệm liệu pháp đường huyết. Túi $\geq 500$ g.	Túi	300
40	Hóa chất nhuộm Hematoxylin dạng bột	Hoá chất hoạt tính: Hematoxylin 4,7%, Alum Ammonium Sulfate 94.8%. Hóa chất chuyên dụng dành cho quá trình nhuộm tiêu bản mô tế bào học xét nghiệm chuẩn đoán ung thư. Bao gồm có Hematoxylin B và Hematoxylin A. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	2
41	Tiêu bản soi kính hiển vi cỡ 22x22 mm	Tiêu bản kính dùng cho kính hiển vi, bằng thủy tinh. Kích thước 22x22mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp $\geq 100$ cái.	Hộp	20
42	Tiêu bản soi kính hiển vi cỡ 24x40 mm	Tính ổn định hóa học tốt, có kích thước 24x40 mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15.000
43	Tiêu bản soi kính hiển vi cỡ 24x50 mm	Tính ổn định hóa học tốt, có kích thước 24x50 mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	17.000
44	Acid acetic 3%	Acid acetic. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.500
<b>8. Dây truyền, dây dẫn</b>				

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
45	Dây truyền máu	Dây truyền máu dài 180cm, có màng lọc với kích thước lỗ lọc từ 175210 $\mu$ m. Chất liệu dây: Vinyl Chloride hoặc tương đương, có kim truyền cỡ 18G, được tiệt trùng. Tốc độ dòng chảy 20 giọt/mL. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	5.000
<b>9. Túi máu</b>				
46	Túi máu ba	Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 đoạn mã số. Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm. Hệ thống gồm 3 túi: Túi 1: Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPD, dùng để thu thập máu toàn phần. Dung tích: 250ml; Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số. Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu; Dung tích: 250ml; Chất liệu túi: PVC-TOTM (bảo quản tiểu cầu lên đến 5 ngày); Bảo quản tiểu cầu lên đến 5 ngày; Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số. Túi 3: Túi chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM; Dung tích: 250ml; Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số; Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở 4 $\pm$ 2 $\circ$ C. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Túi	4.000
47	Túi máu đơn	Có dung tích 250ml ( $\pm$ 5%) để đựng máu toàn phần. Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA -1 hoặc tương đương để bảo quản máu toàn phần $\geq$ 35 ngày ở 4 $\pm$ 2 $\circ$ C. Dây dẫn máu dài 980mm ( $\pm$ 5%). Kim lấy máu 16G có nắp bảo vệ đầu kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Túi	200
<b>10. Catheter</b>				
48	Dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài	Gồm: Bộ dẫn lưu ngoài (Ống nối dài với đầu ống hình chữ T đầu bên kia là khóa 4 chiều. Ống kết nối với một đầu kết nối với catheter dạng chữ T liền với một ống tiêm. Một van chống trào ngược kết nối với một bình dẫn lưu 75 mm, kèm theo một ống xả dịch dẫn lưu). Catheter não thất có tráng barium hoặc tương đương dài 35 cm đường kính ngoài 3 mm, đường kính trong 1,6 mm, một que luồn bằng thép không di dài 38 cm, một nắp đậy dạng luer, một đai buộc chỉ khâu, một trocar dài 15 cm, một nắp đậy. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	5

NH  
 H V  
 N -  
 TIN  
 AN C

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
49	Dẫn lưu não thất ổ bụng Delta Shunt kèm catheter phủ kháng sinh chống nhiễm trùng Ares	Cấu tạo gồm các bộ phận : cổng kết nối với catheter, khoang chứa dịch, van áp lực cố định , khoang delta, catheter phủ kháng sinh. Van có kích thước nhỏ: 36mm x 13mm x 6mm hoặc trung bình: 40mm x 16,5mm x 8mm, với mức áp lực khác nhau: 1; 1.5. Catheter não thất dài 23 cm, đường kính trong 1.3 mm, đường kính ngoài 2.5 mm. Catheter ổ bụng dài 120 cm, đường kính trong 1.3 mm, đường kính ngoài 2.5 mm. Catheter phủ Barium giúp nhìn rõ hình ảnh trên phim X-quang. Catheter được phủ 2 loại kháng sinh là rifampicin và clindamycin làm giảm sự có mặt của vi khuẩn gram dương trên toàn bề mặt catheter, giảm nguy cơ kháng thuốc. Khoang Delta kiểm soát hiện tượng siphon cho phép bệnh nhân duy trì được áp lực nội sọ mà không bị ảnh hưởng bởi tốc độ dòng chảy của dịch não tủy hay tư thế của bệnh nhân. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương	Bộ	8
50	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực dòng chảy	Catheter não thất trong suốt dài 35 cm, đường kính trong 1.5 mm, đường kính ngoài 2.8 mm. Có màng lọc kỹ nước ở phía trên ống đong có tác dụng lọc vi khuẩn và giúp tránh bị ảnh hưởng khi dịch trong ống bị nghiêng trong quá trình vận hành. Có vị trí để lấy dịch não tủy đi xét nghiệm và vị trí để tiêm thuốc, hóa chất vào não thất khi cần. Bình chứa dịch tạm 50 ml. Túi chứa dịch 700 ml. Có Khóa hệ thống chính với vị trí gắn bộ chuyển đổi, khóa có 4 vị trí "Off". Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp suất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp suất não. Có một túi chứa dịch thoát ra có thể tháo rời với các vạch chia độ thể tích và lỗ thông khí rào cản vi sinh vật. Có hai kẹp trượt trên đường thoát nước để theo dõi dòng chảy và lấy mẫu. Có đầy đủ các dụng cụ hỗ trợ gồm: trocar, các loại khóa catheter, các dụng cụ kết nối, dụng cụ cố định catheter và có hướng dẫn sử dụng (ở trên tấm bảng). Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	5
<b>11. Các loại vật tư y tế tiêu hao và y dụng cụ khác</b>				
51	Tấm điện cực trung tính dán	Tấm điện cực trung tính dán dùng 01 lần. Vật liệu tương thích sinh học với da. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	600
52	Que lấy mẫu bệnh phẩm spatula	Que xét nghiệm, loại dùng 1 lần, được làm từ gỗ. Được tiệt trùng bằng khí EO. Có bao chứa an toàn đi kèm.	Cái	5.000
53	Bình làm ẩm oxy	Thân bình bằng polyethylene hoặc tương đương, dung tích 200ml. Nắp bình bằng polycarbonate hoặc tương đương. Kích thước ren: 9/6"x18N	Cái	10
54	Dây cao su ống nghe	Được làm từ cao su. Không gây kích ứng. Dây màu xám hoặc màu đen	Cái	600
55	Dầu parafin	Dầu parafin trắng trơn, không màu	Lít	200

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Nt; SYTQN (dăng tải)
- Lưu: VT, KD.



**Bùi Minh Cường**





**PHỤ LỤC  
BÁO GIÁ**



**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kĩ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Quy cách đóng gói	Đơn giá (VAT) (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền(11) (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
3													

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà  
cung cấp**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*